TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3649/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2975/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3901/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5254/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986 – (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Căn hộ A1-1201 chung cư D, 34 Đường H, tổ 1, khu phố L, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Đội 3, Thôn Đ, xã A, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1988 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Căn hộ A1-1201 chung cư D, 34 Đường H, tổ 1, khu phố L, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 09/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng cư trú tại địa chỉ: Căn hộ A1-1201 Nhà ở xã hội C-D Home, 34 Đường số 12, tổ 1, khu phố 5,

phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức. Đời sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc như mong đợi, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do tính cách giữa hai bên không hòa hợp, hai bên có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, trong cách suy nghĩ, ngoại giao và quan điểm nuôi dạy con. Sống chung một nhà nhưng không bên nào quan tâm chia sẻ, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, hai bên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Ông Nguyễn Văn T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị M để ổn định cuộc sống về sau. Giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có hai người con chung tên Nguyễn Mộc Cát Anh, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Mộc Thiên Ân, sinh ngày 04/12/2019, hiện tại do ông Tân là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T yêu cầu sau khi ly hôn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông Nguyễn Văn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa hai bên không có nợ chung.

(2) Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhưng phía bị đơn bà Nguyễn Thị M không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, kết quả xác định bà Nguyễn Thị M đã bán nhà, không còn cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú. Nhận thấy, việc tống đạt, niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo. Theo yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ theo quy định tại Điều 173 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành đăng thông báo nhắn tin cho bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng và cổng thông tin điện tử, thông báo các ngày làm việc, ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày mở phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên, phía bị đơn bà Nguyễn Thị M đã vắng mặt, không đến Tòa án làm việc theo các ngày đã thông báo.

(3) Tại phiên tòa phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn bà Nguyễn Thị M vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Tòa án áp dụng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị M là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận bà Nguyễn Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Căn hộ A1-1201 chung cư D, 34 Đường H, tổ 1, khu phố L, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/9/2020, đã bán nhà chuyển đi đâu không rõ. Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị M đăng ký thường trú và cư trên địa bàn thành phố Thủ Đức, đến ngày 14/9/2020 bà M bán nhà chuyển đi nơi khác, không khai báo nơi cư trú mới, không rõ ở đâu. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đăng ký ngày 09/02/2015, có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có có sở xác định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do có nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai bên sống chung một nhà nhưng không bên nào quan tâm chia sẻ nhau trong cuộc sống, hai bên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 116/2015, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 31/8/2015 và Giấy khai sinh đăng ký ngày 31/12/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có sơ sở xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có hai người con chung tên Nguyễn Mộc C, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Mộc T, sinh ngày 04/12/2019, hiện do ông Nguyễn Văn T là người tực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, bà Nguyễn Thị M khồng hợp tác, không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục cần thiết để giải quyết ly hôn với ông T, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến về việc nuôi con, cũng như tranh chấp nuôi con. Căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sư năm 2015, sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ông T là người trực tiếp đang nuôi hai con, việc ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai

con là nguyên vọng chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- *Về con chung*: Giao hai con chung có tên Nguyễn Mộc C, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Mộc T, sinh ngày 04/12/2019 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Văn T tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, mà ông Nguyễn Văn

T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001532 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên